

QUY TRÌNH
ĐÁNH GIÁ RỦI RO VÀ
THỰC HIỆN CHƯƠNG
TRÌNH THẨM ĐỊNH (DDS)

SOẠN THẢO	XEM XÉT	PHÊ DUYỆT
PHÒNG QUẢN LÝ KỸ THUẬT 	TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ KỸ THUẬT 	KT. TỔNG GIÁM ĐỐC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC 
Nguyễn Thị Thu Loan	Hồ Thị Thu An	Nguyễn Duy Tâm

TRANG KIỂM SOÁT TÀI LIỆU

A. KIỂM SOÁT PHÂN PHỐI

STT	PHÒNG BAN ĐƯỢC PHÂN PHỐI	SỐ LƯỢNG
1	Ban Tổng Giám đốc	03
2	Hội đồng thành viên	05
3	Kiểm soát viên	03
4	Văn phòng Công ty	01
5	Phòng Quản lý Kỹ thuật	01
6	Phòng Thị trường Kinh doanh	01
7	Phòng Tổ chức - Lao động Tiền lương	01
8	Phòng Quản lý đầu tư và Xây dựng	01
9	Phòng Tài Chính – Kế toán	01
10	Phòng pháp chế thanh tra - Bảo vệ	01
11	Xưởng Chế biến mủ cao su Lộc Hiệp	01
12	Bệnh viện Đa khoa Cao su Lộc ninh	01
13	8 Đội sản xuất	08

B. KIỂM SOÁT SỬA ĐỔI

Tóm tắt các thay đổi:

- Ban hành Lần 5 Quy trình đánh giá rủi ro và thực hiện chương trình thẩm định DDS.
- Lý do thay đổi: Bổ sung, điều chỉnh thêm các nội dung trong tài liệu này.
- Nội dung cập nhật sửa đổi:
 - + Thay đổi mô hình quản lý từ ba cấp: Công ty – Nông trường – Tổ xuống còn hai cấp Công ty – Đội
 - + Phòng Quản lý chất lượng sát nhập vào phòng Thị trường kinh doanh theo Quyết định số 1638 ngày 27/11/2024 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV cao su Lộc Ninh
 - + Phòng Kế hoạch đầu tư đổi tên thành phòng Quản lý đầu tư và xây dựng theo Quyết định số 837 ngày 15/05/2025 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV cao su Lộc Ninh
 - + Phòng Thanh tra bảo vệ quân sự đổi tên thành phòng Pháp chế thanh tra bảo vệ theo Quyết định số 836 ngày 15/05/2025 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV cao su Lộc Ninh
 - + Quyết định số 749 ngày 8/05/2025 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV cao su Lộc Ninh Về việc thành lập Xưởng chế biến mủ cao su Lộc hiệp trực thuộc Công ty TNHH MTV cao su Lộc Ninh.

C. NỘI DUNG

1. Mục đích:

Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh thực hiện chương trình thẩm định DDS phù hợp theo yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC ST 2002:2020 và đánh giá rủi ro vùng nguyên liệu theo Mục 7 và Phụ lục 1 của tiêu chuẩn.

2. Phạm vi áp dụng:

Quy trình này áp dụng cho hoạt động đánh giá rủi ro về nguồn gốc mù nguyên liệu và rủi ro trộn lẫn nguyên liệu trong chuỗi cung ứng của Công ty để đảm bảo Hệ thống thẩm định của Công ty theo đúng các yêu cầu tiêu chuẩn PEFC.

Các Phòng, ban, bộ phận liên quan bao gồm: Tổ CoC Công ty, Tổ CoC XCB, Tổ CoC các Đội sản xuất và nhóm thực hiện chương trình thẩm định (DDS).

3. Tài liệu tham khảo:

Tiêu chuẩn PEFC ST 2002:2020 (Mục 7 và Phụ lục 1), Sổ tay Hướng dẫn thực hiện hệ thống chuỗi hành trình sản phẩm PEFC - CoC, các văn bản luật Việt Nam hiện hành có liên quan.

4. Trách nhiệm liên quan:

Ban Chỉ đạo Tăng trưởng xanh và phát triển bền vững: Phê duyệt ban hành.

Tổ CoC Công ty, Tổ CoC XCB: Xem xét khi điều chỉnh, kiểm soát trong quá trình áp dụng.

Tổ CoC XCB, Tổ CoC các Đội sản xuất và nhóm thực hiện chương trình thẩm định: Thực hiện.

5. Quy trình:

Công ty xác định và thực hiện một chương trình thẩm định ít nhất là mỗi năm 01 lần đối với các Đội sản xuất do Công ty quản lý, các Đội sản xuất bao gồm Đội sản xuất có chứng nhận VFCS/PEFC và Đội sản xuất chưa được chứng nhận VFCS/PEFC để thành lập “**Danh sách đoàn thẩm định DDS**” gọi tắt là Đoàn Thẩm Định để triển khai xây dựng hệ thống thẩm định. Đoàn thẩm định dự kiến tối thiểu gồm: Thành viên có kỹ năng kinh nghiệm về hoạt động thẩm định được đào tạo theo Tiêu chuẩn PEFC ST 2002:2020, thành viên liên quan đến chuyên môn kỹ thuật về rừng phải có chứng chỉ lâm nghiệp, hiểu biết và cập nhật các yêu cầu về luật áp dụng của lâm nghiệp, thành viên có kỹ năng kinh nghiệm về mua, bán nguyên liệu gỗ và thông thạo thông tin về vùng nguyên liệu.

Quy trình các bước thực hiện được Công ty xây dựng dựa vào Phụ lục 1 của Tiêu chuẩn PEFC ST 2002:2020. Hệ thống thẩm định PEFC được thực hiện theo 03 bước:

- Thu thập thông tin
- Đánh giá rủi ro
- Quản lý những nguồn có rủi ro đáng kể.

Bước 1: Thu thập thông tin:

Nhóm thực hiện chương trình thẩm định lập “**Danh sách các Đội sản xuất**” với các thông tin như sau:

- a) Xác định loài cây theo tên thương mại và tên khoa học.
- b) Tên quốc gia, vùng nguyên liệu khai thác.

Thông tin các Đội sản xuất cung cấp phải bao gồm: Đội sản xuất có chứng nhận VFCS/PEFC và các Đội sản xuất đưa vào nguồn có kiểm soát PEFC/CS.

Bước 2: Đánh giá rủi ro:

Đoàn thẩm định thực hiện đánh giá rủi ro cho các Đội sản xuất cung cấp, đối với các Đội sản xuất có chứng nhận VFCS/PEFC được xem là như là nguồn có rủi ro không đáng kể.

Việc phân loại đánh giá rủi ro dựa vào các Bảng 1, 2, 3 được nêu trong Phụ lục 1 của Tiêu chuẩn.

Bảng 1: Danh sách các chỉ số “rủi ro không đáng kể”

Các chỉ số:
a) Các Đội sản xuất cung cấp được khai báo đã được chứng nhận về quản lý rừng hoặc chuỗi hành trình sản phẩm bởi một hệ thống chứng nhận khác (không phải do PEFC công nhận) và đã được tổ chức chứng nhận bên thứ ba công nhận.
b) Các nguồn cung được xác minh bởi các tổ chức được cấp phép hoặc xác minh của chính phủ hoặc tổ chức phi chính phủ, ngoài các hệ thống chứng nhận rừng, đề cập đến các hoạt động nguồn gây tranh cãi.
c) Những nguồn cung cấp có đi kèm với những tài liệu xác minh mà có thể dễ dàng xác định được: - Quốc gia khai thác và / hoặc khu vực địa phương nơi khai thác gỗ, trong đó Chỉ số nhận thức tham nhũng (CPI) của Tổ chức minh bạch quốc tế (TI) cao hơn 50, hoặc Chỉ số luật pháp (mức độ thực thi luật pháp) của WJP (dự án tư pháp thế giới) cao hơn 0,5. - Tên thương mại và loại sản phẩm, tên thông thường của loài cây, và tên khoa học (nếu có). - Tất cả các nhà cung cấp trong cùng một chuỗi cung ứng. - Khu vực nơi xuất xứ của nguồn cung cấp đó. - Các chứng từ hoặc thỏa thuận hợp đồng tuân thủ những quy định liên quan tới các hoạt động được định nghĩa tại “nguồn gây tranh cãi”.

Bảng 2: Danh sách các chỉ số của “khả năng xảy ra cao” ở cấp độ nguồn gốc

Các chỉ số:
a) Các hoạt động không tuân thủ luật pháp địa phương, quốc gia hoặc quốc tế về quản lý rừng; bảo vệ thiên nhiên và môi trường; các loài được bảo vệ và có nguy cơ tuyệt chủng; tài sản, quyền sử dụng đất cho người bản địa, cộng đồng địa phương hoặc các bên liên quan khác; sức khỏe, lao động và an toàn; tham nhũng và trả tiền bản quyền và thuế. - Chỉ số Nhận thức tham nhũng (CPI) của quốc gia thấp hơn 50 hoặc Chỉ số luật pháp -WJP của quốc gia thấp hơn 0,5. - Quốc gia / Vùng lãnh thổ có sự quản lý lâm nghiệp hoặc thực thi các biện pháp lâm nghiệp còn yếu. - Những loài cây mà các Nguyên liệu / Sản phẩm được coi như là những loài liên quan được đề cập trong phần định nghĩa “nguồn gốc tranh cãi”. - Đất nước chịu các lệnh trừng phạt của Liên Hợp Quốc, EU hoặc chính phủ quốc gia hạn chế Xuất / Nhập khẩu các sản phẩm từ rừng và gỗ.
b) Các hoạt động liên quan đến bền vững của rừng sản xuất (Gỗ và lâm sản ngoài gỗ) không được duy trì hoặc mức độ khai thác vượt quá tốc độ có thể được duy trì trong dài hạn. - Theo dữ liệu công khai, chẳng hạn như đánh giá tài nguyên rừng FAO, lượng khai thác gỗ tròn công nghiệp hàng năm vượt quá mức tăng hàng năm của trữ lượng tăng trưởng của Quốc gia / Khu vực xuất xứ.
c) Các hoạt động quản lý rừng không góp phần duy trì, bảo tồn hoặc tăng cường đa dạng sinh học về cảnh quan, hệ sinh thái, loài hoặc mức độ di truyền.
d) Các khu vực rừng quan trọng về mặt sinh thái không được xác định, bảo vệ, bảo tồn hoặc bị bỏ qua. - Chỉ số Hiệu suất Môi trường (EPI) cho Đa dạng sinh học & Môi trường sống của đất nước thấp hơn 50. Trong trường hợp không có chỉ số EPI nào, các chỉ số khác có thể được sử dụng, chẳng hạn các yếu tố gây tranh cãi c và d, kết hợp với bằng chứng thực thi pháp luật đáng tin cậy (Điểm TI CPI > 50, hoặc điểm số WJP (Rules of Law) > 0,5)
e) Các hoạt động chuyển đổi rừng xảy ra, ngoài các trường hợp hợp lý khi chuyển đổi: - Tuân thủ chính sách và pháp luật quốc gia và khu vực áp dụng cho sử dụng đất và quản lý rừng. - Không có tác động tiêu cực đến các khu vực rừng quan trọng về mặt sinh thái, các khu vực có ý nghĩa về văn hóa và xã hội hoặc các khu vực được bảo vệ khác. - Không phá hủy các khu vực có trữ lượng Carbon cao đáng kể. - Đóng góp cho bảo tồn lâu dài, lợi ích kinh tế và / hoặc xã hội. - Quốc gia / Khu vực được xác định là đã mất diện tích rừng > 1% trong mười năm gần nhất, theo dữ liệu / thông tin công khai, như FAO cung cấp. - Ở Quốc gia / Khu vực, diện tích có chuyển đổi từ rừng sang rừng trồng vượt quá mức tăng diện tích rừng của Quốc gia / Khu vực hoặc thông tin công khai, như FAO cung cấp.
f) Các hoạt động về Nguyên tắc và Quyền cơ bản tại nơi làm việc (1998) - ILO không được đáp ứng.

g) Các hoạt động của Liên Hợp Quốc về quyền của người bản địa (2007) không được đáp ứng.
h) Nguồn gỗ gây tranh cãi.
i) Các giống loài biến đổi Gen.

Bảng 3: Danh sách các chỉ số “khả năng xảy ra cao” ở cấp độ chuỗi cung ứng

Các chỉ số
a) Các Quốc gia / Khu vực nơi các sản phẩm đã được giao dịch không xác định.
b) Những loài trong sản phẩm chưa được xác định.
c) Có bằng chứng về những hành động vi phạm pháp luật của bất cứ một công ty nào trong chuỗi cung cấp.

Bước 3: Quản lý rủi ro:

Đoàn thẩm định thống kê các văn bản pháp luật liên quan và lập **“Danh sách các luật áp dụng”** làm căn cứ đánh giá.

Nhóm thực hiện chương trình thẩm định gửi **“Thư tham vấn”** đến các bên liên quan như: Tổ chức phi chính phủ (NGOs), các cơ quan và tổ chức trong và ngoài nước hoạt động trong các lĩnh vực xã hội, môi trường, bảo tồn, ... liên quan để tham vấn.

Đoàn thẩm định chuẩn bị các **“Phiếu tham vấn”** để ghi nhận thông tin khi thực hiện phỏng vấn các bên liên quan.

Đoàn thẩm định dựa vào kết quả của việc xác minh, tham vấn các bên liên quan để kết luận nguồn rủi ro đáng kể, kiểm tra hiện trường bất kể thời điểm nào và đưa ra các biện pháp khắc phục phòng ngừa.

Đoàn thẩm định ghi nhận kết quả của việc xác minh trong **“Danh sách và kết quả tham vấn các bên liên quan”**.

Sau khi thẩm định xong, đoàn thẩm định sẽ tiến hành lập báo đánh giá và kết luận theo **“Báo cáo đánh giá rủi ro”**

Tập hợp các hồ sơ thu thập và kết luận trong quá trình đánh giá rủi ro vùng nguyên liệu.

Đối với các chỉ định của tiêu chuẩn PEFC ST 2002:2020 đã được xác định rủi ro đáng kể, rủi ro không đáng kể hay rủi ro phát hiện trong quá trình thực hiện đánh giá của Công ty sẽ được xây dựng các biện pháp kiểm soát để giảm thiểu rủi ro.

Các biện pháp kiểm soát của công ty được xây dựng cho hệ thống thẩm định phù hợp với các yêu cầu theo tiêu chuẩn PEFC ST 2002:2020 các Bảng 1, 2, 3; Các yêu cầu của Luật pháp Việt Nam hiện hành và Chính Sách Nguyên Liệu của công ty TNHH MTV Cao Su Lộc Ninh.

Bước 4: Xử lý báo cáo và hoàn tất chương trình thẩm định:

Đoàn thẩm định tổng hợp và công bố các tài liệu trong hồ sơ hệ thống thẩm định trên các phương tiện thông tin của Công ty và cung cấp cho Tổ chức đánh giá trong quá trình đánh giá chứng nhận.

Các Đội sản xuất được phát hiện chưa phù hợp với yêu cầu đánh giá được đoàn thẩm định kiến nghị triển khai thực hiện hành động khắc phục theo “**Quy định đánh giá nội bộ và xem xét hệ thống thẩm định**” để đảm bảo có sự tuân thủ theo quy định của tiêu chuẩn PEFC.

Trường hợp các Đội sản xuất cung cấp không đáp ứng các yêu cầu của hành động khắc phục sẽ được loại bỏ trong danh sách các Đội sản xuất cung cấp theo “**Danh sách các Đội sản xuất**” và Công ty sẽ loại ra khỏi hệ thống.

Các biện pháp kiểm soát được Công ty đưa ra trong quá trình thẩm định sẽ được áp dụng cho đến lần thẩm định kế tiếp hoặc khi có nhu cầu thay đổi.

Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh có thể sử dụng nguyên liệu như là nguồn nguyên liệu có kiểm soát hay bán đi với khai báo nguồn có kiểm soát PEFC khi các biện pháp kiểm soát thích hợp đã được áp dụng cho nguyên liệu mua về từ các vùng nguyên liệu trong hệ thống thẩm định.

6. Lưu hồ sơ

Tổ CoC Công ty lưu giữ hồ sơ của hoạt động đánh giá rủi ro và chương trình thẩm định bao gồm các biểu mẫu của quy trình này và các hồ sơ thu thập từ quá trình đánh giá rủi ro và thực hiện hệ thống thẩm định.

Thời gian lưu tối thiểu là 05 năm.

Hồ sơ hệ thống thẩm định bao gồm:

- **Quy trình đánh giá rủi ro và thực hiện hệ thống thẩm định DDS**
- **Danh sách Nhà cung cấp nguyên liệu (các Đội sản xuất) – BM01**
- **Danh sách đoàn thẩm định DDS – BM02**
- **Thư tham vấn – BM03**
- **Phiếu tham vấn – BM04**
- **Danh sách và kết quả tham vấn các bên liên quan – BM05**
- **Danh sách các Luật áp dụng – BM06**
- **Báo cáo đánh giá rủi ro – BM07**